

Bản án số: 224/2021/DS-ST

Ngày: 27-12-2021.

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản và góp hụi*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trương Nguơn.

2. Ông Trần Văn Nghiệm.

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021, về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản và góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Nguyễn Thị Mỹ A, sinh năm 1960.

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

- ***Bị đơn:*** Trần Thị Đ, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

(Bà Acó đơn xin vắng mặt; bà Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ A có đơn xin vắng mặt; theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bà A trình bày:***

Ngày 23/02/2020 âm lịch, bà Trần Thị Đ, tên thường gọi là S có vay của bà A 7.000.000 đồng; đến ngày 30/02/2020 âm lịch, bà Đ vay thêm 3.000.000 đồng; tổng cộng là 10.000.000 đồng.

Ngày 20/12/2019 âm lịch, bà Đ có tham gia 01 phần hụi 2.000.000đồng/tháng; bà Đ hót tiền hụi ngày 20/01/2020 âm lịch số tiền 30.800.000 đồng. Bà Đ phải đóng tiền hụi chết cho đến khi mãn hụi là 36.000.000 đồng, bà Đ đóng tiền hụi chết được 06 lần được 12.000.000 đồng; đến tháng 7/2020 âm lịch bà Đ ngưng đóng tiền hụi; hiện nay bà Đ còn nợ bà A số tiền hụi 24.000.000 đồng.

Tại phiên hoà giải ngày 26/01/2021 của Tổ hoà giải khu phố A, thị trấn V, bà A với bà Đ thoả thuận, thống nhất bà Đ nợ bà A tổng cộng là 32.785.000 đồng (tiền vay 8.785.000 đồng và tiền hụi 24.000.000 đồng), mỗi tháng bà Đ trả cho bà A 2.000.000 đồng, kể từ ngày 11/02/2021, nhưng bà Đ không trả tiền.

Nay bà A yêu cầu bà Đ trả số tiền 32.785.000 đồng; yêu cầu trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bà A không yêu cầu gì khác.

*** Tại phiên tòa, cũng như trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn bà Trần Thị Đ vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến.**

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A. Buộc bà Đ có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền 32.785.000 đồng; trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản và góp hụi”, nên áp dụng giải quyết theo các điều 463, 471 Bộ luật dân sự.

[2] Xét thấy nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ A và bị đơn bà Trần Thị Đ đã được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, giấy triệu tập dự phiên tòa hợp lệ, đúng theo quy định của pháp luật; bà A có đơn xin vắng mặt, bà Đ vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà A và bà Đ theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình bày và yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Xét bà A yêu cầu bà Đ trả số tiền 32.785.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở. Bởi lẽ, theo biên bản hoà giải ngày 26/01/2021 của Tổ hoà giải khu phố A, thị trấn V thì bà Đ thừa nhận có nợ bà A số tiền vay và hụi tổng cộng là 32.785.000 đồng, bà A với bà Đ thoả thuận bà Đ trả tiền cho bà A mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ ngày 11/02/2021 cho đến khi hết nợ; nhưng bà Đ vẫn không trả tiền cho bà A. Trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tại phiên tòa, bà Đ vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến; chứng tỏ bà Đ đã từ bỏ quyền lợi, nghĩa vụ của mình; không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà A; do đó bà A yêu cầu bà Đ có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên là có cơ sở; nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A. Buộc bà Đ có nghĩa vụ trả cho bà Anh số tiền 32.785.000 đồng; trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 463, 471 và khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.
- Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ A.

- Buộc bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ A số tiền 32.785.000 đồng (*Ba mươi hai triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng*), trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí:

+ Bà Đ phải chịu 1.639.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà A được miễn nộp tạm ứng án phí, nên không phải hoàn tiền lại.

Bà A và bà Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu